TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/HS-PT
Ngày 25 tháng 3 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Lợi.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Linh và bà Phan Thị Minh Tâm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 306/2026/TLPT-HS ngày 07 tháng 11 năm 2026 đối với bị cáo Trần Văn H cùng đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án số 46/2025/HS-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Trần Văn H, sinh ngày 18/02/1990 tại tỉnh An Giang (trước đây là huyện C, tỉnh An Giang); nơi cư trú: Ấp A, xã H, tỉnh An Giang (trước đây là khóm A, thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Trần Ngọc T và bà Văng Thị Mỹ L; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự, tiền án: không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 08/10/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh A (có mặt).

2. Nguyễn Thị H1, sinh ngày 06/3/1986 tại tỉnh An Giang (trước đây là huyện C, tỉnh An Giang); nơi cư trú: Ấp A, xã H, tỉnh An Giang (trước đây là khóm A, thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1; chồng là ông Nguyễn Hoàng D (đã ly hôn); có 01 (một) người con; Tiền sự, tiền án: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Chế Thị Cẩm T2, sinh ngày 24/02/1987 tại An Giang (trước đây là huyện C, tỉnh An Giang); nơi cư trú: Số E, tổ B, ấp B, xã H, tỉnh An Giang (trước đây là ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Chế Văn B và bà Võ Thị T3; bị cáo chưa có chồng, con. Tiền sự: Ngày 20/10/2023, bị Công an nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc trái phép" với số tiền 1.500.000 đồng, nộp phạt ngày 22/10/2023; Tiền án: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Huỳnh G, sinh ngày 18/7/1986 tại tỉnh Đồng Tháp (trước đây là huyện L, tỉnh Đồng Tháp); nơi cư trú: Số B, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là số 285, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Huỳnh Hữu L2 và bà Nguyễn Thị Tuyết S; chồng là ông Đặng Quang V; có 03 người con; Tiền sự, tiền án: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. Nguyễn Văn Thanh Đ, sinh ngày 10/6/1990 tại tỉnh Đồng Tháp (trước đây là huyện L, tỉnh Đồng Tháp); nơi cư trú: Số A, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là số 132, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: làm thuê;trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Nguyễn Văn T4 và bà Lâm Thị Đ1; vợ là bà Võ Thị Ngọc G1; có 01 người con; Tiền sự, tiền án: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

6. Đặng Thị C, sinh ngày 20/7/1991 tại tỉnh An Giang (trước đây là huyện C, tỉnh An Giang); nơi cư trú: Số A, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là số 186B, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Đặng Văn B1 và bà Nguyễn Thị Bạch L3; chồng là ông Nguyễn Thành T5; có 01 người con; Tiền sự, tiền án: không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

7. Nguyễn Thị D1, sinh ngày 13/02/1990 tại tỉnh An Giang (trước đây là huyện C, tỉnh An Giang); nơi cư trú: ấp B, xã H, tỉnh An Giang (trước đây là ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị N; chồng là ông Lê Văn P; có 01 người con; Tiền sự, tiền án: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

8. Nguyễn Thị Bích V1, sinh ngày 01/01/1969 tại tỉnh Đồng Tháp (trước đây là huyện L, tỉnh Đồng Tháp); nơi cư trú: Số C, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: làm thuê; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Nguyễn Văn B2

(đã chết) và bà Huỳnh Thị A (đã chết); chồng là ông Phạm Văn H3; có 02 người con; Tiền sự, tiền án: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

9. Trần Thị Ngọc T6, sinh ngày 12/11/1980 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Số A, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là số 191, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: nội trợ; rình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Trần Văn S1 (đã chết) và bà Võ Thị T7 (đã chết); chồng là ông Trần Văn B3; có 01 người con; Tiền sự, tiền án: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

10. Nguyễn Thị Kim K, sinh ngày 01/01/1978 tại tỉnh Đồng Tháp (trước đây là huyện L, tỉnh Đồng Tháp); nơi cư trú: Số E, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là số 58, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1929 (đã chết) và bà Võ Thị T8 (đã chết); chồng là ông Nguyễn Ngọc H4; có 02 người con; Tiền sự, tiền án: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

11. Diệp Thị Loan K1, sinh ngày 01/01/1973 tại tỉnh Đồng Tháp (trước đây là huyện L, tỉnh Đồng Tháp); nơi cư trú: Số A, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là số 182A, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Diệp Văn Đ3 (đã chết) và bà Trình Thị Đ4, sinh năm 1932; chồng là ông Nguyễn Bá C1; có 02 người con; Tiền sự, tiền án: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

12. Mai Thị Ngọc H5, sinh ngày 07/7/1997 tại tỉnh An Giang (trước đây là huyện C, tỉnh An Giang); nơi cư trú: Số C, tổ A, ấp B, xã H, tỉnh An Giang (trước đây là số 305, tổ A, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Mai Văn N1 và bà Văng Thị Bẹt N2; bị cáo chưa có chồng, con; Tiền sự, tiền án: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Ngọc T6 và Nguyễn Thị Kim K: Ông Mai Ngọc T9 - Luật sư văn phòng L7, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A; địa chỉ: đường T, khóm H, xã C, tỉnh An Giang (có mặt).

(*Trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 16/4/2024, nhận được tin báo của người dân, tại khu vực đất trống của Văng H ở ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp B, xã H, tỉnh An Giang) có nhiều người đánh bạc, nên Đ5 - Công an huyện C,

tỉnh An Giang kết hợp với Công an xã H, huyện C, tỉnh An Giang kiểm tra, phát hiện Trần Công E, Trần Văn H tổ chức cho Nguyễn Thị H1, Chế Thị Cẩm T2, Nguyễn Văn Thanh Đ, Trương Kim C2, Huỳnh G, Đặng Thị C, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị Bích V1, Trần Thị Ngọc T6, Trần Thị L4, Nguyễn Thị Kim K, Diệp Thị Loan K1, Mai Thị Ngọc H5 và một số đối tượng đã chạy thoát, đánh bạc thắng thua bằng tiền, dưới hình thức đánh bài cào 03 lá nên lực lượng Công an đã lập Biên bản sự việc và mời về trụ sở làm việc. Quá trình điều tra xác định như sau:

Do không có tiền tiêu xài, nên Công E đã tổ chức cho nhiều người đánh bạc, dưới hình thức đánh bài thắng thua bằng tiền và nhận tiền xâu. Để thực hiện, Công Em phân công H làm vĩ cho người làm cái, chung chi thắng thua và nhận tiền xâu của người làm cái, đánh được 05 ván thì người làm cái trả tiền xâu 100.000đ; B4 (không rõ họ, địa chỉ) canh đường. Đến cuối ngày, khi nghỉ chơi, Công E trả tiền cho H và B4 mỗi người từ 50.000đ đến 150.000đ. Khoảng 14 giờ ngày 16/4/2024, Công Em, trải chiếu và chuẩn bị bài tây cho nhiều người đánh bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền, ở khu đất trống của C3. Khi này, Nguyễn Thị H1 làm cái, Trần Văn H làm vĩ cho Đ, Huỳnh G, V1, L5, T6, D1 và một số người không rõ họ tên, địa chỉ đặt cược, mỗi tụ đặt cược từ 50.000đ đến 100.000đ. Nguyễn Thị H1 làm cái được 05 ván thì nghỉ và đưa tiền xâu 200.000đ, trả công H 100.000đ.

Sau khi Nguyễn Thị H1 bỏ cái thì T2 mượn tiền của Nguyễn Thị H1 để làm cái, H làm vĩ cho Mai Thị Ngọc H5, C2, K, C và một số người không rõ họ tên, địa chỉ đặt cược, mỗi tụ đặt cược từ 50.000đ đến 100.000đ. T2 làm cái 15 ván, kết quả không thắng, không thua thì nghỉ và đưa tiền xâu 100.000đ cho H.

Khi T2 nghỉ thì người phụ nữ tên Cá Lao K2 (không rõ họ, địa chỉ) làm cái cho K, Mai Thị Ngọc H5 và một số người không rõ họ tên, địa chỉ đặt cược với số tiền mỗi tụ là 100.000 đồng, đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị Công an kiểm tra, phát hiện nên mời tất cả mời về làm việc.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ trên người các đối tượng 23.213.000đ, trong đó tiền dùng đánh bạc 19.673.000đ; 01 chiếc chiếu, 08 ghế bằng nhựa, 07 ghế bằng gỗ, 52 lá bài tây, tất cả đã qua sử dụng; 04 xe mô tô biển số 66H4-1211, 66VA-123.91, 67L1-241.23, 66V1-851.34 và 13 điện thoại di động các loại (đã trả 13 điện thoại cho H, C, K, G, C2, K1, T2, Ngọc H5, D1, Thị H5, T10, Đ).

Ngày 16/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C khởi tố vụ án về tội "Đánh bạc";

Ngày 19/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C khởi tố bổ sung vụ án về tội "Tổ chức đánh bạc";

Ngày 16/9/2024, bị cáo Chế Thị Cẩm T2 bị khởi tố về tội "Đánh bạc".

Ngày 20/9/2024, các bị cáo Trần Công E và Trần Văn H bị khởi tố về tội "Tổ chức đánh bạc".

Ngày 20/9/2024, các bị cáo Nguyễn Thị H1, Đặng Thị C, Nguyễn Thị Kim K, Trần Thị Ngọc T6, Nguyễn Thị Bích V1, Huỳnh G, Trương Kim C2, Nguyễn Văn Thanh Đ, Diệp Thị Loan K1, Trần Thị L4, Mai Thị Ngọc H5, Nguyễn Thị D1, bị khởi tố về tội "Đánh bạc".

Tại Bản Cáo trạng số 25/CT-VKSKV11 ngày 29/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang đã truy tố:

Bị cáo Trần Công E về tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm a, đ khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (nay là Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Bị cáo Trần Văn H về tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (nay là Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Các bị cáo Nguyễn Thị H1, Chế Thị Cẩm T2, Nguyễn Văn Thanh Đ, Trương Kim C2, Huỳnh G, Đặng Thị C, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị Bích V1, Trần Thị Ngọc T6, Trần Thị L4, Nguyễn Thị Kim K, Diệp Thị Loan K1 và Mai Thi Ngọc H6 cùng về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (nay là Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2025/HS-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang, đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Công E và Trần Văn H cùng phạm tội "Tổ chức đánh bạc".

2. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H1, Chế Thị Cẩm T2, Nguyễn Văn Thanh Đ, Trương Kim C2, Huỳnh G, Đặng Thị C, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị Bích V1, Trần Thị Ngọc T6, Trần Thị L4, Nguyễn Thị Kim K, Diệp Thị Loan K1, Mai Thị Ngọc H5 cùng phạm tội "Đánh bạc".

3. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Trần Công E 02 (hai) năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 06/10/2024.

4. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 . Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 08/10/2024.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H1 10 (mười) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo Nguyễn Thị H1 chấp hành hình phạt tù.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Chế Thị Cẩm T2 10 (mười)

tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo Chế Thị Cẩm T2 chấp hành hình phạt tù.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Thanh Đ 07 (bảy) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo Nguyễn Văn Thanh Đ chấp hành hình phạt tù.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Trương Kim C2 07 (bảy) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo Trương Kim C2 chấp hành hình phạt tù.

9. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị L4 07 (bảy) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 28/9/2025.

10. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Huỳnh G 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo Huỳnh G chấp hành hình phạt tù.

11. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị C 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo Đặng Thị C chấp hành hình phạt tù.

12. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị D1 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo Nguyễn Thị D1 chấp hành hình phạt tù.

13. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Ngọc T6 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo Trần Thị Ngọc T6 chấp hành hình phạt tù.

14. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Diệp Thị Loan K1 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo Diệp Thị Loan K1 chấp hành hình phạt tù.

15. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim K 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo Nguyễn Thị Kim K chấp hành hình phạt tù.

16. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị

Bích V1 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo Nguyễn Thị Bích V1 chấp hành hình phạt tù.

17. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Mai Thị Ngọc H5 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo Mai Thị Ngọc H5 chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về vật chứng, các biện pháp tư pháp, phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 06/10/2025, bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Các ngày 30/9/2025, 02/10/2025, 07/10/2025, 08/10/2025, các bị cáo Nguyễn Thị H1, Chế Thị Cẩm T2, Nguyễn Văn Thanh Đ, Huỳnh G, Đặng Thị C, Nguyễn Thị D1, bị cáo Nguyễn Thị Bích V1, Nguyễn Thị Ngọc T11, Nguyễn Thị Kim K, Diệp Thị Loan K1 và Mai Thị Ngọc H5 làm đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Văn H đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

- Các bị cáo Nguyễn Thị H1, Chế Thị Cẩm T2, Nguyễn Văn Thanh Đ, Đặng Thị C, Nguyễn Thị D1, bị cáo Nguyễn Thị Bích V1, Nguyễn Thị Ngọc T11, Nguyễn Thị Kim K, Diệp Thị Loan K1 và Mai Thị Ngọc H5 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc xin được chuyển sang hình phạt chính là phạt tiền theo phân tích về điều kiện áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính của vị đại diện Viện kiểm sát.

- Bị cáo Huỳnh G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Thị H1, Chế Thị Cẩm T2, Nguyễn Văn Thanh Đ, Huỳnh G, Đặng Thị C, Nguyễn Thị D1, bị cáo Nguyễn Thị Bích V1, Nguyễn Thị Ngọc T11, Nguyễn Thị Kim K, Diệp Thị Loan K1 và Mai Thị Ngọc H5 gửi trong hạn luật định, nên đủ cơ sở chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội danh và khung hình phạt. Về mức hình phạt: Bị cáo Trần Văn H đã cùng Trần Công E tổ chức cho rất nhiều người tham gia đánh bạc; các bị cáo Chế Thị Cẩm T2, Nguyễn Thị H1 là những người làm cái, số tiền H1 tham gia đánh bạc là 14.446.000đ, lớn hơn nhiều với những người chơi khác. Còn T2 thì còn tiền sự về hành vi đánh bạc, nhưng vẫn tiếp tục vi phạm. Vì vậy cấp sơ thẩm xử phạt tù đối với các bị cáo này là tương xứng với vai trò, tính chất mức độ hành vi của các bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình, cấp sơ thẩm còn có phần nghiêm khắc đối với các bị cáo còn lại. Bởi lẽ, số tiền dùng đánh bạc trong vụ án này là 19.773.000đ. Mặc dù tất cả các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung đối với số tiền này nhưng riêng bị cáo Nguyễn Thị H1 đã tham gia đánh bạc 14.446.000đ, chiếm tỷ lệ 73%. Các bị cáo còn lại, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đa số chỉ đem theo vài trăm nghìn đồng, tham gia chơi từ 01 đến khoảng 06 ván bài, với số tiền đánh bạc từ 50.000đ đến 100.000đ/ván nhưng cũng chịu hình phạt tù, trong khi đó tội đánh bạc có 03 loại hình phạt: tiền, cải tạo không giam giữ và phạt tù. Như vậy, cấp sơ thẩm chưa có sự phân hóa hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo. Tại phiên tòa, H rút kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với H; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H1, Chế Thị Cẩm T2, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm;; chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền của các bị cáo Nguyễn Văn Thanh Đ, Trương Kim C2, Đặng Thị C, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị Bích V1, Trần Thị Ngọc T6, Trần Thị L4, Nguyễn Thị Kim K, Diệp Thị Loan K1, Mai Thị Ngọc H5 chuyển sang hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Riêng do Huỳnh G nào không đủ điều kiện phạt tiền nên đề nghị chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Văn H.

- Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 46/2025/HS-ST ngày28/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang về phần hình phạt:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 10 tháng tù về tội "Đánh bạc".

2 . Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Chế Thị Cẩm T2 10 tháng tù về tội "Đánh bạc".

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Giao cải T12 không giam giữ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn Thanh

Đ, Đặng Thị C, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị Bích V1, Trần Thị Ngọc T6, Trần Thị L4, Nguyễn Thị Kim K, Diệp Thị Loan K1, Mai Thị Ngọc H5 hình phạt tiền từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Ngọc T6 và Nguyễn Thị Kim K trình bày quan điểm bào chữa: Thống nhất quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát, yêu cầu kháng cáo của các bị cáo T6 và K xin được chuyển sang hình phạt chính là phạt tiền.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Thị H1, Chế Thị Cẩm T2, Nguyễn Văn Thanh Đ, Huỳnh G, Đặng Thị C, Nguyễn Thị D1, bị cáo Nguyễn Thị Bích V1, Nguyễn Thị Ngọc T11, Nguyễn Thị Kim K, Diệp Thị Loan K1 và Mai Thị Ngọc H5 làm trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Thị H1, Chế Thị Cẩm T2, Nguyễn Văn Thanh Đ, Huỳnh G, Đặng Thị C, Nguyễn Thị D1, bị cáo Nguyễn Thị Bích V1, Nguyễn Thị Ngọc T11, Nguyễn Thị Kim K, Diệp Thị Loan K1 và Mai Thị Ngọc H5 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Vào lúc 16 giờ 30 phút, ngày 16/4/2024, tại ấp B, xã H, tỉnh An Giang (trước đây là ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang), bị cáo Trần Công E và bị cáo Trần Văn H đã bị bắt quả tang về hành vi tổ chức cho 13 người tham gia đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền nhằm thu lợi bất chính với tổng số tiền đánh bạc bị thu giữ là 19.773.000 đồng, trong đó:

- Bị cáo Trần Công E là người chủ mưu, tổ chức cho 13 người tham gia đánh bạc, thu giữ trên người của bị cáo Trần Công E số tiền đánh bạc là 100.000đ.

- Bị cáo Trần Văn H được bị cáo Trần Công E phân công làm vỉ cho những người đánh bạc, thu giữ trên người của bị cáo Trần Văn H số tiền đánh bạc là 100.000đ;

- Bị cáo Nguyễn Thị H1 và bị cáo Chế Thị Cẩm T2 tham gia đánh bạc với vai trò là người làm cái thắng thua với những người đánh bạc, thu giữ trên người của bị cáo Nguyễn Thị H1 số tiền đánh bạc là 14.464.000đồng; không thu giữ được tiền đánh bạc của bị cáo Chế Thị Cẩm T2.

- Bị cáo Nguyễn Văn Thanh Đ tham gia đặt cược 07 ván do bị cáo Nguyễn Thị H1 làm cái, thu giữ trên người của bị cáo Nguyễn Văn Thanh Đ số tiền đánh bạc là 3.885.000đ.

- Bị cáo Trương Kim C2 tham gia đặt cược nhiều ván do bị cáo Chế Thị Cẩm T2 làm cái, thu giữ trên người của bị cáo Trương Kim C2 số tiền đánh bạc là 140.000đ.

- Bị cáo Huỳnh G tham gia đặt được 04 ván do bị cáo Nguyễn Thị H1 làm cái và 06 ván do bị cáo Chế Thị Cẩm T2 làm cái, không thu giữ được tiền đánh bạc trên người của bị cáo Huỳnh Giao .

- Bị cáo Nguyễn Thị Bích V1 tham gia đặt cược 04 ván do bị cáo Nguyễn Thị H1 làm cái và 06 ván do bị cáo Chế Thị Cẩm T2 làm cái, không thu giữ được tiền đánh bạc trên người của bị cáo Nguyễn Thị Bích V1.

- Bị cáo Đặng Thị C tham gia đặt cược khoảng 10 ván do bị cáo Chế Thị Cẩm T2 làm cái, không thu giữ được tiền đánh bạc trên người của bị cáo Đặng Thị Cẩm .1

- Bị cáo Mai Thị Ngọc H5 tham gia đặt cược 01 ván do bị cáo Chế Thị Câm T13 làm cái và 01 ván do người có tên Cá Lau K3 làm cái, thu giữ trên người của bị cáo Mai Thị Ngọc H5 số tiền đánh bạc là 90.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Thị D1 tham gia đặt cược 01 ván do bị cáo Nguyễn Thị H1 làm cái, thu giữ trên người của bị cáo Nguyễn Thị D1 số tiền dùng vào việc đánh bạc là 82.000đ.

- Bị cáo Trần Thị Ngọc T6 tham gia đặt cược 01 ván với số tiền 200.000 đồng do người tên C4 Lau Kiếng làm cái, thu giữ trên người của bị cáo Trần Thị Ngọc T6 số tiền đánh bạc là 820.000đ.

- Bị cáo Trần Thị L4 tham gia đặt cược 03 ván do bị cáo H1 làm cái, không thu giữ được tiền đánh bạc trên người của bị cáo Trần Thị L4.

- Bị cáo Nguyễn Thị Kim K tham gia đặt cược 02 ván do người có tên Cá Lau K3 làm cái, thu giữ trên người của bị cáo Nguyễn Thị Kim K số tiền đánh bạc là 55.000đ.

- Bị cáo Diệp Thị Loan K1 tham gia đặt cược cái 02 ván do bị cáo Chế Thị Cẩm T2 làm cái, không thu giữ được tiền đánh bạc trên người của bị cáo Diệp Thị Loan K1.

Với hành vi nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Văn H về tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị H1, Chế Thị Cẩm T2, Nguyễn Văn Thanh Đ, Huỳnh G, Đặng Thị C, Nguyễn Thị D1, bị cáo Nguyễn Thị Bích V1, Nguyễn Thị Ngọc T11, Nguyễn Thị Kim K, Diệp Thị Loan K1 và Mai Thị Ngọc H5 cùng về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H đã tự nguyện rút lại các yêu cầu kháng xin được giảm nhẹ hình phạt. Do đó, căn cứ vào Điều 348 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo này của bị cáo Trần Văn H.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng. Hiện nay tệ nạn cờ bạc xảy ra ngày càng phổ biến, phức tạp, hậu quả từ việc đánh bạc làm ảnh hưởng đến đời sống hạnh phúc gia đình của người tham gia đánh bạc, đồng thời là nguyên nhân dẫn đến những vi phạm pháp luật khác.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Thị H1 và Chế Thị Cẩm T2: Các bị cáo tham gia đánh bạc với vai trò là người làm cái thắng thua với những người đánh bạc, thu giữ trên người của bị cáo Nguyễn Thị H1 số tiền đánh bạc là 14.464.000đ; bị cáo Chế Thị Cẩm T2 đã có tiền sự là vào ngày 20/10/2023, bị Công an nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc trái phép" với số tiền 1.500.000đ, nộp phạt ngày 22/10/2023 nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội để xử phạt các bị cáo mỗi bị cáo 10 tháng tù về tội "Đánh bạc" là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo. Do đó yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt chính là phạt tiền của các bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Văn Thanh Đ, Huỳnh G, Đặng Thị C, Nguyễn Thị D1, bị cáo Nguyễn Thị Bích V1, Nguyễn Thị Ngọc T11, Nguyễn Thị Kim K, Diệp Thị Loan K1 và Mai Thị Ngọc H5: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo chủ yếu là người lao động, có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, số tiền tham gia đánh bạc không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, xét xử vụ án các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; các

bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trước khi phạm tội có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Ngoài ra, trong quá trình tại ngoại các bị cáo không vi phạm pháp luật nào khác, chấp hành tốt các quy định tại địa phương. Xét thấy, nếu không bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Mặt khác, tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận đều có tài sản riêng và thu nhập ổn định, có khả năng để thực hiện đầy đủ tiền phạt theo quyết định của Hội đồng xét xử. Hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra từ tháng 02/2024, tính nguy hiểm cho xã hội cho đến thời điểm xét xử đã không còn; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và khung hình phạt chính mà điều luật quy định có thể phạt tiền. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn Thanh Đ, Huỳnh G, Đặng Thị C, Nguyễn Thị D1, bị cáo Nguyễn Thị Bích V1, Nguyễn Thị Ngọc T11, Nguyễn Thị Kim K, Diệp Thị Loan K1 và Mai Thị Ngọc H5.

Riêng đối với bị cáo Huỳnh G, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết hiện đang có thai, hoàn cảnh gia đình khó khăn, còn 03 con nhỏ, ngoài ra bị cáo cũng có nơi cư trú ổn định. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Huỳnh G, không chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Giao cải T12 không giam giữ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

[6] Về án phí:

- Do bị cáo Trần Văn H đã tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo, yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Thanh Đ, Huỳnh G, Đặng Thị C, Nguyễn Thị D1, bị cáo Nguyễn Thị Bích V1, Nguyễn Thị Ngọc T11, Nguyễn Thị Kim K, Diệp Thị Loan K1 và Mai Thị Ngọc H5 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H1 và Chế Thị Cẩm T2 không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Văn H;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền của các bị cáo Nguyễn Thị H1 và Chế Thị Cẩm T2;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền của các bị cáo Nguyễn Văn Thanh Đ, Đặng Thị C, Nguyễn Thị D1, bị cáo Nguyễn Thị Bích V1, Nguyễn Thị Ngọc T11, Nguyễn Thị Kim K, Diệp Thị Loan K1 và Mai Thị Ngọc H5;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Huỳnh Giao .

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2025/HS-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang về phần hình phạt.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H1, Chế Thị Cẩm T2, Nguyễn Văn Thanh Đ, Trương Kim C2, Huỳnh G, Đặng Thị C, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị Bích V1, Trần Thị Ngọc T6, Trần Thị L4, Nguyễn Thị Kim K, Diệp Thị Loan K1 và Mai Thị Ngọc H5 cùng phạm tội "Đánh bạc".

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (nay là Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H1 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (nay là Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt bị cáo Chế Thị Cẩm T2 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Huỳnh G 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm, được tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 25/3/2026).

Giao bị cáo Huỳnh G cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; Bị cáo Huỳnh G phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo Huỳnh G thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Huỳnh G cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Huỳnh G chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (nay là Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Thanh Đ 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đặng Thị C 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D1 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc T6 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Diệp Thị L6 Kiều 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

9. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim K 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

10. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích V1 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

11. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Mai Thị Ngọc H5 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Thị H1 và Chế Thị Cẩm T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2025/HS-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thuận Lợi

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Toà án nhân dân Khu vực 11 – An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 11 - An Giang;
- Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh An Giang;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh An Giang;
- Phòng giám đốc, kiểm tra, thanh tra và THA;
- Bị cáo có kháng cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.